

PHÁT TRIỂN KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ Ở ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG THÁCH THỨC VÀ ĐỊNH HƯỚNG

TRỊNH XUÂN THẮNG*

Ngày nhận bài: 23/10/2025 Ngày thẩm định: 30/10/2025 Ngày duyệt đăng: 24/12/2025

Tóm tắt: Bài viết phân tích những thách thức đặt ra đối với việc phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số ở đồng bằng sông Cửu Long hiện nay. Từ đó, đề xuất một số định hướng để vượt qua thách thức, thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị “về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia” nhằm đưa đồng bằng sông Cửu Long cất cánh.

Từ khóa: chuyển đổi số; đổi mới sáng tạo; đồng bằng sông Cửu Long; khoa học, công nghệ

1. Dẫn nhập
Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị “về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia” được coi là một trong bốn nghị quyết để đưa đất nước cất cánh, bước vào kỷ nguyên phát triển mới. Nghị quyết đã khẳng định: “Phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đang là yếu tố quyết định phát triển của các quốc gia; là điều kiện tiên quyết, thời cơ tốt nhất để nước ta phát triển giàu mạnh, hùng cường trong kỷ nguyên mới - kỷ nguyên vươn mình của dân tộc”. Tuy nhiên, việc triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW ở đồng bằng sông Cửu Long đang phải đối mặt với nhiều thách thức. Vì vậy, nhận diện và giải quyết những thách thức để thực hiện hiệu quả Nghị quyết này nhằm đưa đồng bằng sông Cửu Long bứt phá trong tương lai.

2. Những thách thức trong triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị ở đồng bằng sông Cửu Long

Tầm quan trọng và ý nghĩa của việc thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW đã rõ ràng và điều này càng cấp thiết hơn ở đồng bằng sông Cửu Long. Bởi vì, đồng bằng sông Cửu Long đang được đánh giá là vùng tụt hậu hơn so với các vùng khác trong cả nước, nên việc thực hiện Nghị quyết ở đồng bằng sông Cửu Long được coi là giải pháp quan trọng để ngăn chặn nguy cơ tụt hậu, tạo ra sự phát triển bứt phá. Tuy nhiên, việc triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị ở đồng bằng sông Cửu Long cũng đang phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức, cụ thể là:

Thứ nhất, về lực lượng doanh nghiệp

Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị khẳng định phải “phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, sự tham gia tích cực của doanh nhân, doanh nghiệp và nhân dân đối với phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc

* TS, Học viện Chính trị khu vực IV, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

gia”. Trong đó, người dân và doanh nghiệp là trung tâm, là chủ thể, nguồn lực, động lực chính. Việc ứng dụng công nghệ cũng như nghiên cứu công nghệ phụ thuộc rất lớn vào nguồn lực của các doanh nghiệp, nhưng các doanh nghiệp ở đồng bằng sông Cửu Long còn yếu cả về số lượng và chất lượng. Năm 2021, tổng số doanh nghiệp đang hoạt động ở đồng bằng sông Cửu Long chiếm 7,2% cả nước, đến năm 2022 cũng chỉ tăng lên 7,3%, năm 2023 là 7,4%⁽¹⁾, chỉ cao hơn vùng Trung du và miền núi phía Bắc và vùng Tây Nguyên. Xét về mật độ doanh nghiệp trên 1.000 dân ở đồng bằng sông Cửu Long, năm 2021 là 3,5 doanh nghiệp, năm 2022 là 3,7 doanh nghiệp, năm 2023 là 3,9 doanh nghiệp, thấp hơn nhiều so với trung bình cả nước (9,2 doanh nghiệp)⁽²⁾ và chỉ cao hơn vùng Trung du và miền núi phía Bắc. Doanh nghiệp ở đồng bằng sông Cửu Long đa số là vừa và nhỏ, quy mô vốn nhỏ nên không có nhiều tiền để đầu tư những công nghệ hiện đại cũng như đầu tư cho việc nghiên cứu công nghệ, quy trình sản xuất mới. Đây là một hạn chế nguồn lực rất lớn để triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị.

Thứ hai, về đội ngũ nhà khoa học

Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị xác định nhà khoa học là nhân tố then chốt trong thực hiện Nghị quyết. Nhà khoa học phải là những người có trình độ từ đại học trở lên và làm trong lĩnh vực khoa học, công nghệ. Nhà khoa học bao gồm: viên chức làm công tác nghiên cứu khoa học (giữ các chức danh khoa học, như trợ lý nghiên cứu, nghiên cứu viên, nghiên cứu viên chính, nghiên cứu viên cao cấp), làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập (học viện, viện nghiên cứu, trường đại học,...); viên chức giữ các chức danh công nghệ (kỹ thuật viên, kỹ sư, kỹ sư chính, kỹ sư cao cấp) làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập, các doanh nghiệp khoa học và công nghệ. Cán bộ, công chức làm công tác quản lý nhà nước về khoa học và

công nghệ tham gia hoặc chỉ đạo công việc nghiên cứu phục vụ việc hoạch định các quyết sách, quyết định quan trọng về khoa học và công nghệ trong thẩm quyền của mình; trí thức người Việt Nam ở nước ngoài và các chuyên gia nước ngoài làm việc trong lĩnh vực khoa học và công nghệ tại Việt Nam; các cá nhân thuộc mọi tầng lớp xã hội yêu thích khoa học kỹ thuật, có sáng kiến cải tiến, ứng dụng khoa học kỹ thuật vào đời sống.

Tuy nhiên, đội ngũ các nhà khoa học hay nguồn nhân lực khoa học, công nghệ ở đồng bằng sông Cửu Long vẫn còn hạn chế. Mặc dù Nhà nước và tỉnh, thành vùng đồng bằng sông Cửu Long đã có nhiều nỗ lực, cố gắng, đầu tư phát triển nhiều trường đại học để cung ứng nguồn nhân lực, trong đó có nhân lực khoa học, công nghệ cho vùng nhưng vẫn chưa tương xứng. Vùng đồng bằng sông Cửu Long có 17 trường đại học (11 trường công lập, 06 trường dân lập, tư thục) và một số phân hiệu đại học tại thành phố Cần Thơ, Bến Tre và Cà Mau. Hằng năm, các trường đại học tại vùng đồng bằng sông Cửu Long cung ứng cho thị trường lao động khoảng 25.863 sinh viên đại học và 1.780 thạc sĩ, tiến sĩ khoa học và công nghệ với các chuyên ngành: kinh tế, nông nghiệp, công nghệ, khoa học, môi trường,... Trong đó, Đại học Cần Thơ cung cấp cho thị trường lao động nguồn nhân lực chất lượng cao với 9.307 sinh viên đại học và 918 thạc sĩ, tiến sĩ; Trường Đại học Trà Vinh là 3.694 sinh viên đại học và 494 thạc sĩ, tiến sĩ; Trường Đại học Đồng Tháp là 3.495 sinh viên đại học và 134 thạc sĩ, tiến sĩ⁽³⁾. Tuy nhiên, nguồn nhân lực khoa học của vùng chủ yếu tập trung vào các ngành nông nghiệp, thủy sản, những ngành liên quan đến công nghệ thông tin, công nghệ số, AI còn ít. Theo Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) Chi nhánh Cần Thơ, đồng bằng sông Cửu Long có khoảng 10 triệu lao động, nhưng tỷ lệ lao động qua đào tạo chỉ đạt 14,9% và tỷ lệ lực lượng lao động có trình độ đại học trở lên là 6,8%, thấp nhất cả nước⁽⁴⁾.

Ngoài ra, theo báo cáo của nhóm quản trị nhà nước kiêm cố vấn phát triển số của Cơ quan Phát triển quốc tế Hoa Kỳ (USAID) tại Việt Nam, trong tổng số 430.000 nhân lực thuộc lĩnh vực công nghệ thông tin của cả nước, những người từ đồng bằng sông Cửu Long chỉ chiếm 5%. Điều này chưa tương xứng với tiềm năng dân số, khi dân số của vùng chiếm 19% dân số cả nước⁽⁵⁾. Hơn thế, mức thu nhập bình quân của vùng thấp, mức lương dành cho đội ngũ các nhà khoa học chưa cao cũng dẫn đến tình trạng chảy máu chất xám. Các nhà khoa học của vùng có năng lực chuyên môn tốt lại chủ yếu làm việc tại Thành phố Hồ Chí Minh hoặc các trung tâm công nghệ khác có nhiều cơ hội phát triển và đãi ngộ tốt hơn. Vì vậy, việc thúc đẩy nghiên cứu, ứng dụng công nghệ mới, đổi mới sáng tạo cũng gặp nhiều khó khăn.

Thứ ba, nguồn vốn nhà nước đầu tư cho đổi mới, sáng tạo, chuyển đổi số còn hạn chế

Một mục tiêu đồng thời là điều kiện để thực hiện chuyển đổi số là phải có hạ tầng công nghệ tốt. Nghị quyết số 57-NQ/TW đặt mục tiêu đến năm 2030 là xây dựng “hạ tầng công nghệ số tiên tiến, hiện đại, dung lượng siêu lớn, băng thông siêu rộng ngang tầm các nước tiên tiến; từng bước làm chủ một số công nghệ chiến lược, công nghệ số như: Trí tuệ nhân tạo, internet vạn vật (IoT), dữ liệu lớn, điện toán đám mây, chuỗi khối, bán dẫn, công nghệ lượng tử, nano, thông tin di động 5G, 6G, thông tin vệ tinh và một số công nghệ mới nổi. Phủ sóng 5G toàn quốc”. Nguồn lực để đầu tư phát triển hạ tầng số theo tinh thần của Nghị quyết số 57-NQ/TW là thực hiện hợp tác công tư: “Có cơ chế hợp tác công tư để phát triển hạ tầng số hiện đại, trong đó nguồn lực nhà nước là chủ yếu. Phát triển hạ tầng viễn thông, internet đáp ứng yêu cầu dự phòng, kết nối, an toàn, bền vững, hệ thống truyền dẫn dữ liệu qua vệ tinh, mạng cáp quang băng thông rộng tốc độ cao phủ sóng toàn quốc, mạng thông tin di động 5G, 6G và các thế hệ tiếp theo. Phát triển hạ tầng vật

lý số, hạ tầng tiện ích số; tích hợp cảm biến, ứng dụng công nghệ số vào hạ tầng thiết yếu. Phát triển ngành công nghiệp IoT, xây dựng một số cụm công nghiệp IoT di động”.

Đồng thời, Nhà nước phải có nguồn ngân sách lớn để xây dựng và thực hiện các chính sách đặc thù để thu hút, tuyển dụng, giữ chân nhân lực về khoa học, công nghệ và chuyển đổi số làm việc trong các cơ quan của hệ thống chính trị. Cùng với đó phải có vốn để đầu tư chi cho hoạt động nghiên cứu khoa học, công nghệ: “Ngân sách chi cho nghiên cứu, phát triển khoa học, công nghệ ưu tiên thực hiện theo cơ chế quỹ, thông qua các quỹ phát triển khoa học và công nghệ. Cơ cấu lại nguồn ngân sách chi sự nghiệp khoa học và công nghệ bảo đảm tập trung, có trọng tâm, trọng điểm, không dàn trải”. Tuy nhiên, nguồn vốn từ thu ngân sách của các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long còn rất khiêm tốn, chủ yếu trông chờ vào nguồn hỗ trợ từ Trung ương nên khó khăn trong thực hiện các giải pháp triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW.

Mức thu ngân sách của các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long không cao, chỉ có Long An đạt 25.800 tỷ (*xem Bảng*). Do đó, chi thường xuyên của các tỉnh này không đủ, phải nhờ sự hỗ trợ từ Trung ương nên không có vốn từ ngân sách nhà nước cho việc triển khai các nhiệm vụ của Nghị quyết số 57-NQ/TW.

Thứ tư, người dân - chủ thể quan trọng để thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW còn hạn chế

Để thực hiện thành công những mục tiêu và nhiệm vụ của Nghị quyết số 57-NQ/TW, người dân đóng vai trò rất quan trọng. Nghị quyết số 57-NQ/TW đặt ra mục tiêu đến năm 2030: “Tỷ lệ sử dụng dịch vụ công trực tuyến của người dân và doanh nghiệp đạt trên 80%; giao dịch không dùng tiền mặt đạt 80%”. Tuy nhiên, nếu trình độ của người dân không cao, không sử dụng công nghệ thành thạo thì hạ tầng số dù đầy đủ việc sử dụng dịch vụ công trực tuyến cũng không đạt yêu cầu. Để thực hiện mục tiêu “phát triển Chính

Bảng: Thu ngân sách của các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long năm 2024

STT	Tỉnh	Thu ngân sách (tỷ đồng)
1	Cần Thơ	12.500
2	Vĩnh Long	6.580
3	Tiền Giang	11.400
4	Hậu Giang	16.515
5	An Giang	8.100
6	Kiên Giang	16.977
7	Bạc Liêu	4.300
8	Cà Mau	5.800
9	Sóc Trăng	4.112
10	Đồng Tháp	9.675
11	Bến Tre	5.375
12	Trà Vinh	18.932
13	Long An	25.800

Nguồn: Tập hợp từ trang thông tin các tỉnh

phủ số, kinh tế số, xã hội số, công dân số, công nghiệp văn hóa số đạt mức cao của thế giới”, phải có những công dân có trình độ cao, sử dụng thành thạo công nghệ thông tin, thậm chí là tiếng anh. Đồng thời, trong chi phí đầu tư cho nghiên cứu phát triển, sự đóng góp của người dân, doanh nghiệp chiếm tỷ lệ cao, Bộ Chính trị đưa ra mục tiêu: “Kinh phí chi cho nghiên cứu phát triển (R&D) đạt 02% GDP, trong đó kinh phí từ xã hội chiếm hơn 60%”. Muốn đạt được mục tiêu này thì người dân phải có thu nhập cao, có nguồn lực kinh tế dồi dào.

Tuy nhiên, những điều kiện này đối với người dân ở đồng bằng sông Cửu Long còn hạn chế. Đồng bằng sông Cửu Long được coi là vùng trũng về giáo dục, mặt bằng dân trí của cả nước đến năm 2019, tỷ lệ lao động

có trình độ cao đẳng, đại học trở lên của vùng là 8% trong khi cả nước là 14,5%. Năm 2019, tỷ lệ lao động đã qua đào tạo của vùng đồng bằng sông Cửu Long thấp nhất trong các vùng, chỉ có 13,6% trong khi cả nước là 23,1%⁽⁶⁾. Theo thống kê, số người mù chữ trong độ tuổi 15 - 60 của khu vực đồng bằng sông Cửu Long còn khoảng hơn 441.000 người, chiếm 38,26% số người mù chữ của toàn quốc⁽⁷⁾. Tỷ lệ dân số trong độ tuổi trung học cơ sở nhưng không đi học của đồng bằng sông Cửu Long cao nhất nước, với 12% (cả nước là 6,6%). Tỷ lệ dân số trong độ tuổi trung học phổ thông nhưng không đi học cũng cao nhất với 37,5% (cả nước là 25,9%)⁽⁸⁾. Với trình độ dân trí thấp, không biết chữ hoặc mới đi học tiểu học thì năng lực số của người dân gần như bằng 0. Vì vậy, việc xây dựng xã hội

số, công dân số của vùng còn gặp nhiều khó khăn. Năm 2024, thu nhập bình quân đầu người toàn vùng đồng bằng sông Cửu Long đạt 80,7 triệu đồng/năm, đứng thứ 5/6 vùng trên cả nước⁽⁹⁾. Điều này làm hạn chế vai trò của người dân trong thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị.

Thứ năm, vai trò của nhà nước, chính quyền địa phương trong thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị

Nghị quyết số 57-NQ/TW khẳng định: “Nhà nước giữ vai trò dẫn dắt, thúc đẩy, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia”. Để Nhà nước dẫn dắt, thúc đẩy sự phát triển đổi mới, sáng tạo và chuyển đổi số thì đội ngũ cán bộ, công chức cần có tư duy quản lý mở, linh hoạt, dám nghĩ, dám làm, dám đổi mới sáng tạo vì lợi ích chung. Nếu cán bộ lúc có tư duy giữ an toàn cho mình, không dám xây dựng những cơ chế mới đột phá thúc đẩy sự đổi mới, sáng tạo thì sẽ không thể triển khai tốt những nhiệm vụ của Nghị quyết số 57-NQ/TW đề ra. Đội ngũ cán bộ, công chức trong các cơ quan nhà nước ở đồng bằng sông Cửu Long đã được nâng lên về chất lượng, song tinh thần dám nghĩ, dám làm, dám đương đầu với khó khăn, thử thách, dám đổi mới trong đội ngũ này thời gian qua còn hạn chế. Tổng số cán bộ khu vực công có trình độ đại học trở lên ở đồng bằng sông Cửu Long chỉ chiếm khoảng 31%, thấp hơn rất nhiều so với mức trung bình của cả nước là 48,1%. Trong đó, có đến 52,3% cán bộ có trình độ chuyên môn sơ cấp hoặc chưa qua đào tạo, số lượng chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã chưa được đào tạo chuyên môn chiếm 13,5%⁽¹⁰⁾. Nguồn nhân lực công thấp dẫn tới việc ứng dụng công nghệ trong hoạt động quản lý còn hạn chế, cản trở quá trình xây dựng chính quyền số cũng như việc hướng dẫn, hỗ trợ người dân ứng dụng công nghệ số. Điều này gây cản trở cho việc thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị.

3. Một số định hướng để vượt qua thách thức thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị ở đồng bằng sông Cửu Long

Thứ nhất, phát huy tối đa mọi nguồn lực thúc đẩy vùng phát triển mạnh mẽ hơn nữa để tăng thu nhập cho người dân và doanh nghiệp, từ đó tăng tiềm lực vốn huy động từ xã hội cho đầu tư nghiên cứu phát triển. Hiện nay, thu nhập của người dân bình quân đầu người vùng đồng bằng sông Cửu Long vẫn thấp hơn so với mức chung của cả nước, cần phấn đấu bằng và vượt hơn so với mức chung. Muốn vậy, cần nâng cao hiệu quả sản xuất của tất cả các ngành, lĩnh vực sản xuất. Phát huy tiềm năng của nguồn nhân lực, của người dân, nhà khoa học, doanh nghiệp tham gia vào chuyển đổi số, đổi mới, sáng tạo, từ nguồn ngân sách địa phương và sự hỗ trợ của các tổ chức, cá nhân xây dựng quỹ khen thưởng dành cho những cá nhân, tổ chức trong cơ quan nhà nước và ngoài xã hội, trong doanh nghiệp có những cải tiến kỹ thuật, sáng chế, phát minh, công trình có ý nghĩa, mang lại hiệu quả thiết thực cho đơn vị và xã hội.

Thứ hai, đẩy mạnh giáo dục và đào tạo nhằm nâng cao mặt bằng dân trí cho người dân trong vùng. Thực hiện phong trào xóa mù chữ và phổ cập giáo dục trung học cơ sở cho người dân toàn vùng, hướng tới mục tiêu 100% người dân đều biết chữ và học hết cấp trung học cơ sở. Để thực hiện được điều này đòi hỏi sự chung tay không chỉ của ngành giáo dục, mà cả chính quyền địa phương, hỗ trợ vật chất, động viên nhân dân, đồng bào tạo điều kiện cho con em mình đến trường. Các cơ sở giáo dục cần chú ý nhiều hơn nữa đến việc giáo dục ngoại ngữ và khả năng tiếp cận với công nghệ thông tin cho học sinh để hướng đến xây dựng xã hội số. Các tỉnh cũng cần đẩy mạnh phong trào bình dân học vụ số, thúc đẩy phong trào học tập công nghệ số cho toàn dân bằng nhiều hình thức phù hợp.

Thứ ba, đổi mới và cơ cấu lại các trường đại học trong vùng theo hướng đầu tư tăng số lượng và chất lượng đào tạo những ngành công nghệ thông tin, công nghệ số, AI,... nhằm cung cấp nguồn nhân lực khoa học công nghệ, đội ngũ các nhà khoa học có chất lượng cho vùng. Các trường đại học, viện nghiên cứu phải tự đổi mới và có chiến lược phát triển ngành, nghề của trường phù hợp với sự chuẩn bị đầy đủ về cơ sở vật chất, đội ngũ giảng viên đáp ứng tốt yêu cầu.

Thứ tư, tiếp tục thực hiện nhiều giải pháp nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, đặc biệt đổi mới cơ chế đánh giá cán bộ, lấy kết quả công việc là thước đo chính, kết quả đổi mới, sáng tạo, chuyển đổi số ở địa phương, đơn vị là thước đo đánh giá hoạt động của cán bộ, công chức đặc biệt là người đứng đầu. Xây dựng các chương trình bồi dưỡng về năng lực số cho đội ngũ cán bộ, công chức, thúc đẩy phong trào học tập số trong đội ngũ cán bộ này hướng tới bảo đảm 100% cán bộ đều có khả năng làm việc trên môi trường số. Các cơ quan trong hệ thống chính trị, trường đại học, viện nghiên cứu cần có cơ chế tuyên dụng, thu hút người tài vào làm việc, chính quyền các cấp cần ưu tiên bố trí kinh phí, nguồn lực vật chất để các cơ quan này có điều kiện thực hiện các chính sách thu hút, giữ chân các chuyên gia, người tài.

Thứ năm, trong bối cảnh các doanh nghiệp ở đồng bằng sông Cửu Long còn ít và quy mô nhỏ, cần tập trung xây dựng thể chế thông thoáng, tạo mọi điều kiện thuận lợi để khuyến khích các doanh nghiệp đổi mới, sáng tạo và tích cực tham gia chuyển đổi số. Đồng thời, trên cơ sở tập trung xây dựng được nguồn nhân lực chất lượng cao, đặc biệt là nhân lực khoa học, công nghệ, các tỉnh trong vùng cần đẩy mạnh kêu gọi các doanh nghiệp công nghệ đầu tư, phát triển ở địa phương mình.

Thứ sáu, các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long cần đẩy mạnh các giải pháp quản lý chặt chẽ nhằm tăng thu ngân sách, từ đó có

nguồn lực đầu tư cho hoạt động đổi mới, sáng tạo, thúc đẩy chuyển đổi số quốc gia. Các cơ quan nhà nước cũng cần tăng cường kết nối, tích cực thực hiện việc xây dựng chính quyền điện tử, chính phủ số.

Tóm lại, có nhiều giải pháp, công việc cần thực hiện nhằm khắc phục những khó khăn, thách thức, thúc đẩy đổi mới, sáng tạo, chuyển đổi số ở khu vực đồng bằng sông Cửu Long. Tuy nhiên, thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị là con đường duy nhất để vùng có thể sánh vai cùng các vùng khác trong cả nước, tránh nguy cơ tụt hậu đang ngày càng rõ nét. Do đó, phải có quyết tâm cao và hành động quyết liệt của cả hệ thống chính trị, toàn xã hội trong đó các cơ quan nhà nước đóng vai trò định hướng, dẫn dắt đề tập hợp, phát huy nguồn lực của toàn xã hội, của người dân và doanh nghiệp trong cuộc cách mạng sâu sắc, toàn diện trên tất cả các lĩnh vực này □

(1) và (2) Tổng hợp từ: Tổng cục Thống kê, *Niên giám thống kê các năm: 2021, 2022, 2023*

(3) Hồ Thị Hà, Nguyễn Thành Nhân, *Phát triển nguồn nhân lực khoa học công nghệ vùng đồng bằng sông Cửu Long*, <https://sdmd2045.ctu.edu.vn>

(4) Tùng Dương, *Cần thêm giải pháp nâng cao chất lượng lao động đồng bằng sông Cửu Long*, <https://daibieunhandan.vn/>, ngày 03/11/2022

(5) và (10) Thúy An, *Đồng bằng sông Cửu Long: Nhân lực nhiều nhưng chất lượng chưa cao*, <https://www.qdnd.vn>, ngày 11/10/2022

(6) Ban chỉ đạo Tổng điều tra dân số và nhà ở Trung ương, *Kết quả tổng điều tra dân số và nhà ở*, Nxb Thống kê, tháng 12/2019, tr.135

(7) Yên Phương, *Tỉ lệ mù chữ ở Đồng bằng sông Cửu Long vẫn còn cao*, ngày 01/3/2023

(8) Hồ Sỹ Anh, *Giáo dục Đồng bằng sông Cửu Long thoát khỏi 'vùng trũng'* <https://giaoducthoidai.vn>, ngày 13/10/2024

(9) Bùi Tùng, *Năm 2024: Tốc độ tăng trưởng GRDP của Vùng Đồng bằng sông Cửu Long đạt 7,31%*, <https://baolongan.vn>, ngày 03/01/2025